



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN TỪ NGÀY 01/01/2014
ĐẾN NGÀY 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2014

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.179.354.566.897	775.262.646.033
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.932.166.208	318.718.104.135
1. Tiền	111		19.932.166.208	13.718.104.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	305.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.200.000.000	70.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	23.200.000.000	70.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		784.699.933.427	312.024.147.352
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	350.503.090.878	161.517.793
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	127.665.221.217	296.166.519.949
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	306.857.297.692	15.977.495.212
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(325.676.360)	(281.385.602)
IV. Hàng tồn kho	140		343.597.152.010	53.762.059.406
1. Hàng tồn kho	141	V.6	343.597.152.010	53.762.059.406
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.925.315.252	20.758.335.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	959.119.791	547.083.481
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.620.673.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		709.218.291	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	6.256.977.170	9.590.577.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		741.997.779.137	882.060.564.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		341.434.946.866	503.207.024.910
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	331.452.211.217	243.098.880.889
<i>Nguyên giá</i>	222		468.493.202.550	358.798.491.191
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(137.040.991.333)	(115.699.610.302)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	316.966.830	9.881.956.831
<i>Nguyên giá</i>	228		637.230.534	11.180.874.439
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(320.263.704)	(1.298.917.608)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	9.665.768.819	250.226.187.190
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		387.834.434.709	373.994.434.709
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	131.406.800.187	131.406.800.187
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	179.525.027.902	155.525.027.902
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	109.101.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(32.198.628.178)	(22.038.628.178)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.728.397.562	4.859.104.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	12.659.897.562	4.750.604.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	108.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.921.352.346.034	1.657.323.210.321

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.067.913.973.248	822.155.882.027
I. Nợ ngắn hạn	310			915.284.925.311	671.654.665.368
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17		711.400.179.612	578.726.345.607
2. Phải trả người bán	312	V.18		77.650.872.646	63.895.514.658
3. Người mua trả tiền trước	313			136.571.044	194.162.230
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19		18.024.470.609	6.992.529.234
5. Phải trả người lao động	315			10.851.139.921	7.904.591.100
6. Chi phí phải trả	316	V.20		29.770.053.925	1.688.905.435
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21		59.884.242.094	5.100.983.553
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22		7.567.395.460	7.151.633.551
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-	-
II. Nợ dài hạn	330			152.629.047.937	150.501.216.659
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23		152.629.047.937	150.501.216.659
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			853.438.372.786	835.167.328.294
I. Vốn chủ sở hữu	410			853.438.372.786	835.167.328.294
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24		607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24		12.165.550.000	12.132.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24		111.993.139.098	109.220.527.995
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24		18.371.956.237	15.599.345.134
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24		103.407.727.451	90.714.905.165
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
1. Nguồn kinh phí	432			-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			1.921.352.346.034	1.657.323.210.321

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		16.010.450	5.487.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.630,00	13.430,88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2014

**Nguyễn Thị Như Hiếu**
Người lập biểu**Ngô Thị Thu Trang**
Kế toán trưởng**Võ Thị Thủy Tiên**
Giám đốc Tài chính**Trầm Kim Dũng**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	441.172.039.825	368.304.957.191	635.083.305.343	652.651.714.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	74.271.355	-	74.271.355
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	441.172.039.825	368.230.685.836	635.083.305.343	652.577.442.773
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	350.308.214.604	318.572.137.619	515.856.793.298	568.111.050.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.863.825.221	49.658.548.217	119.226.512.045	84.466.392.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	10.544.038.271	10.476.495.325	16.417.664.660	11.742.538.751
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	15.374.324.781	16.044.405.793	35.215.296.636	12.719.989.547
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.214.086.440	6.815.521.238	24.570.492.372	13.879.043.432
8. Chi phí bán hàng	24	V1.5	7.230.421.082	6.205.804.483	9.190.460.397	11.212.238.989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	13.997.697.280	7.261.991.947	20.629.495.921	13.047.886.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.805.420.349	30.622.841.319	70.608.923.751	59.228.816.580
11. Thu nhập khác	31	V1.7	1.418.739.149	41.516.843.165	4.210.152.821	43.215.087.193
12. Chi phí khác	32	V1.8	333.135.195	32.609.813.051	3.550.850.747	33.584.058.234
13. Lợi nhuận khác	40		1.085.603.954	8.907.030.114	659.302.074	9.631.028.959
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.891.024.303	39.529.871.433	71.268.225.825	68.859.845.539
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	14.569.965.316	7.319.043.909	15.816.003.765	14.717.244.118

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.321.058,987	32.210.827,524	55.452.222,060	54.142.601,421
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	1.690	1.060	612	1.782

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2014




Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu


Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng


Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc Tài chính


Trầm Kim Đăng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.268.225.825	68.859.845.539
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		19.301.582.220	34.462.688.662
- Các khoản dự phòng	03		10.204.290.758	(1.200.087.130)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		507.950.890	(562.511.922)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.408.693.317)	(16.227.197.529)
- Chi phí lãi vay	06		23.708.193.880	13.879.043.432
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.581.550.256	99.211.781.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(258.131.173.959)	4.303.371.744
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(289.835.092.604)	(314.586.652.884)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49.456.642.586	147.905.953.703
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		172.660.735	(238.014.285)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.673.056.211)	(15.279.880.711)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.916.699.240)	(3.324.181.602)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.894.840.000	2.425.286.025
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.314.371.218)	(11.568.834.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(419.764.699.655)	(91.151.171.007)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(54.277.940.023)	(7.539.511.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		671.250.000	37.239.167.045
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(167.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		214.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.085.078.050)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.068.864.518	3.681.786.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.822.903.555)	33.381.442.139

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		937.731.265.714	501.633.985.180
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(802.929.600.431)	(388.393.926.213)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		134.801.665.283	113.240.058.967
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(298.785.937.927)	55.470.330.099
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	318.718.104.135	38.282.191.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	27.679
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.932.166.208	93.752.549.025

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu

Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc Tài chính



Trầm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 410 nhân viên đang làm việc (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 412 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	32.726.504	238.515.295
Tiền gửi ngân hàng	19.899.439.704	13.479.588.840
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	305.000.000.000
Cộng	19.932.166.208	318.718.104.135

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Bò Giống Miền Trung	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương mại Thuận Thiên	-	50.000.000.000
Cộng	23.200.000.000	70.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	239.282.853.270	-
Công ty Cổ Phần TM Thành Thành Công	57.960.000.000	-
Công ty Cổ Phần SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	36.170.870.400	-
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	11.886.574.841	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	4.831.926.355	-
Các khách hàng khác	370.866.012	161.517.793
Cộng	350.503.090.878	161.517.793

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2010	114.564.943	113.925.854
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	47.584.396	63.225.679
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	247.237.445	1.493.976.140
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	4.586.407.991	161.297.147.326
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	119.920.256.863	-
TRIVENI TURBINE LIMITED	-	51.870.829.122
Công ty CP SX-TM Bao Bì Thành Thành Công	-	33.009.216.489
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	-	30.366.707.350
Công ty TNHH TM ĐT Thuận Thiên	-	7.500.000.000
Công ty CP Điện Gia Lai	-	1.760.000.000
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	1.214.000.000
Công ty Cổ Phần Bò Giống Miền Trung	-	5.101.446.273
Các nhà cung cấp khác	1.535.169.579	2.376.045.716
Cộng	127.665.221.217	296.166.519.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	-	5.679.720.000
Mua Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	3.085.078.050	-
Công ty CP Mía Đường 333	-	4.210.777.200
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện bã mía - Đền bù giải phóng mặt bằng Đường dây điện 110KV	299.447.778.350	2.663.339.860
Lãi tiền gửi phải thu	2.273.062.388	1.379.294.444
Các đối tượng khác	2.051.378.904	2.044.363.708
Cộng	<u>306.857.297.692</u>	<u>15.977.495.212</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.386.124.633	16.520.447.391
Công cụ, dụng cụ	36.955.903	45.720.543
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	527.625.073	7.088.358.801
Thành phẩm	313.255.231.965	29.820.508.288
Hàng hóa	13.391.214.436	287.024.383
Cộng	<u>343.597.152.010</u>	<u>53.762.059.406</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Kỳ này</u>
Số dư đầu năm	547.083.481
Phát sinh tăng trong kỳ	995.943.405
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(583.907.095)
Cộng	<u>959.119.791</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	472.277.332	3.535.877.842
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.784.699.838	6.054.699.838
Cộng	<u>6.256.977.170</u>	<u>9.590.577.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	36.139.503.078	308.749.641.067	11.907.924.942	2.001.422.104	358.798.491.191
Tăng trong kỳ	1.806.622.380	106.644.504.540	949.545.455	151.191.000	109.551.863.375
	875.926.478	3.336.672.289	-	165.054.545	4.377.653.312
Giảm thanh lý, nhượng bán	-	(945.000.000)	(3.002.601.200)	-	(3.947.601.200)
Giảm do điều chỉnh	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Số cuối kỳ	38.822.051.936	417.498.613.768	9.854.869.197	2.317.667.649	468.493.202.550

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.567.138.289	-	82.455.843	9.649.594.132
---	---	---------------	---	------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	13.554.898.877	98.649.213.010	3.164.578.947	330.919.468	115.699.610.302
Khấu hao trong kỳ	1.557.303.066	16.930.548.633	505.200.638	182.988.350	19.176.040.687
Thanh lý, nhượng bán	-	(189.000.000)	(750.650.310)	-	(939.650.310)
Điều chỉnh giảm	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Điều chỉnh tăng	627.825.843	2.662.721.909	-	101.647.030	3.392.194.782
Số cuối kỳ	15.740.027.786	117.766.279.424	2.919.129.275	615.554.848	137.040.991.333

Giá trị còn lại

Số đầu năm	22.584.604.201	210.100.428.057	8.743.345.995	1.670.502.636	243.098.880.889
Số cuối kỳ	23.082.024.150	299.732.334.344	6.935.739.922	1.702.112.801	331.452.211.217

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.678.174.439	502.700.000	11.180.874.439
Mua trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Tăng khác	-	36.379.934	36.379.934
Giảm khác	(10.620.023.839)	-	(10.620.023.839)
Số cuối kỳ	58.150.600	579.079.934	637.230.534
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.047.567.617	251.349.991	1.298.917.608
Khấu hao trong kỳ	70.775.568	54.765.965	125.541.533
Giảm khác	(1.118.343.185)	14.147.748	(1.104.195.437)
Số cuối kỳ	-	320.263.704	320.263.704
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.630.606.822	251.350.009	9.881.956.831
Số cuối kỳ	58.150.600	258.816.230	316.966.830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaDrac-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này
Số dư đầu năm	250.226.187.190
Phát sinh tăng trong kỳ	116.217.654.476
Kết chuyển sang tài sản cố định trong kỳ	(356.778.072.847)
Số dư cuối kỳ	9.665.768.819

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Dầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung (*)	736.195	15.278.135.340	736.195	15.278.135.340
Công ty CP Mía Đường Phan Rang (**)	1.619.198	24.128.664.847	1.619.198	24.128.664.847
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (***)	-	92.000.000.000	-	92.000.000.000
Cộng		131.406.800.187		131.406.800.187

(*) Công ty nắm giữ 736.195 cổ phiếu, tương đương 62,92% vốn điều lệ của Công ty CP Bò Giồng Miền Trung.

(**) Công ty nắm giữ 1.619.198 cổ phiếu, tương đương 51,68% vốn điều lệ của Công ty CP Mía Đường Phan Rang.

(***) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201575358 ngày 09 tháng 10 năm 2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp; Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa có vốn điều lệ 300.000.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa. Tại ngày 30/06/2014, Công ty đã đầu tư 92.000.000.000 VND, tương đương 30,7% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa là 208.000.000.000 VND.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Dầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	8.800.000	136.918.628.178	6.400.000	112.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42.606.399.724	3.508.981	42.606.399.724
Cộng		179.525.027.092		155.525.027.902

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	7.000.000	84.000.000.000	7.000.000	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch hàng hóa SGTT	1.500.000	19.500.000.000	1.500.000	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	116.648	1.401.234.798	116.648	1.401.234.798
Cộng		109.101.234.798		109.101.234.798

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	22.038.628.178
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	13.440.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.280.000.000)
Số cuối kỳ	32.198.628.178

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này
Số dư đầu năm	4.750.604.669
Phát sinh tăng trong kỳ	10.210.473.051
K/c vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(2.301.180.158)
Số dư cuối kỳ	12.659.897.562

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	680.795.321.740	558.379.780.311
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa</i>	<i>199.707.561.249</i>	<i>235.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang</i>	<i>132.552.257.824</i>	<i>133.234.657.033</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Đắk Lắk</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	<i>38.500.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN1, Tp. HCM</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP. HCM</i>	<i>21.000.000.000</i>	<i>21.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa</i>	<i>77.557.681.782</i>	<i>18.195.123.278</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp. HCM</i>	<i>36.600.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa</i>	<i>98.977.820.885</i>	<i>11.950.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	<i>10.900.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa</i>	<i>15.000.000.000</i>	-
Vay dài hạn đến hạn trả	30.604.857.872	20.346.565.296

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	<i>30.604.857.872</i>	<i>20.346.565.296</i>
Cộng	711.400.179.612	578.726.345.607

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số đã trả trong kỳ</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	558.379.780.311	899.334.270.828	(776.918.729.399)	680.795.321.740
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	235.000.000.000	199.707.561.249	(235.000.000.000)	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương -CN Nha Trang	133.234.657.033	143.270.992.652	(143.953.391.861)	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	50.000.000.000	30.000.000.000	(50.000.000.000)	30.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	45.000.000.000	68.500.000.000	(75.000.000.000)	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	30.000.000.000	20.000.000.000	(30.000.000.000)	20.000.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	21.000.000.000	21.000.000.000	(21.000.000.000)	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Khánh Hòa	18.195.123.278	198.665.495.423	(139.302.936.919)	77.557.681.782
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	14.000.000.000	73.600.000.000	(51.000.000.000)	36.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Khánh Hòa	11.950.000.000	108.690.221.504	(21.662.400.619)	98.977.820.885
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	20.900.000.000	(10.000.000.000)	10.900.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.346.565.296	17.506.669.284	(7.248.376.708)	30.604.857.872
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	20.346.565.296	17.506.669.284	(7.248.376.708)	30.604.857.872
Cộng	578.726.345.607	916.840.940.112	(784.167.106.107)	711.400.179.612

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	29.919.992.178	21.830.746.350
Công ty TNHH TM - DT Thuận Thiên	15.789.857.000	-
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	10.722.557.500	-
Công ty CP BVTV I Trung ương-CN Nam Trung Bộ	2.815.588.314	-
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	1.106.627.520	-
Tiền mía, tiền vận chuyển mía, bốc xếp mía	1.736.178.129	8.485.503.421
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	1.086.368.000	6.339.623.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đường Biên Hòa	-	4.791.721.766
Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam	526.244.400	3.683.710.800
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	462.123.775	2.359.318.141
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	-	1.487.913.629
GEA Heat Exchangers Pte Ltd	-	1.442.178.290
Công ty TNHH Hồng Nhung	8.203.940.700	-
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	-	598.485.800
Công ty TNHH XD-TM-DV Trung Hưng Thịnh	-	972.957.370
Công ty TNHH Tháp Giải Nhiệt B.K.K.Vina	307.560.000	922.680.000
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	308.906.925	52.408.700
Các nhà cung cấp khác	4.664.928.205	10.928.266.691
Cộng	77.650.872.646	63.895.514.658

19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.186.882.064	-	4.186.882.064
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	161.787.245	(161.787.245)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	84.053.546	(84.053.546)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.937.792.380	15.816.003.765	(7.916.699.240)	13.837.096.905
Thuế thu nhập cá nhân (*)	583.371.474	643.301.762	(1.687.885.215)	(461.211.979)
Thuế tài nguyên	502.480	17.298.640	(17.309.480)	491.640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	41.455.400	(41.455.400)	-
Các loại thuế khác (*)	470.862.900	97.683.270	(816.552.482)	(248.006.312)
<i>Thuế Môn bài</i>	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	470.862.900	93.683.270	(812.552.482)	(248.006.312)
Cộng	6.992.529.234	21.031.167.052	(10.725.742.608)	17.315.252.318

(*) Trình bày tại chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.891.024.303	39.529.871.433
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	336.090.770	(11.114.023.392)
- Các khoản điều chỉnh tăng	336.090.770	33.442.137.850
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(44.556.161.242)
Tổng thu nhập chịu thuế	66.227.115.073	28.415.848.041
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	14.569.965.316	7.103.962.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	215.081.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.569.965.316	7.319.043.909

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí bổ sung cuối vụ, chi phí khuyến mại, hoàn thành hợp đồng, bóc lá mía	19.741.466.580	-
Chi phí vận chuyển	1.771.616.818	-
Chi phí khác	8.256.970.527	1.688.905.435
Cộng	29.770.053.925	1.688.905.435

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	59.062.300	76.084.844
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	2.702.368
Phải trả tạm ứng cổ tức	30.375.000.000	-
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	20.000.000.000	-
Phải trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2011	2.091.122.000	2.091.122.000
Phải trả tiền đặt cọc- mua bã mía, cạp cầu mía	294.200.000	899.800.000
Phải trả tiền hỗ trợ lãi suất đầu tư	4.329.806.688	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	-	571.111.000
Các khoản phải trả khác	2.735.051.106	1.460.163.341
Cộng	59.884.242.094	5.100.983.553

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.658.422.648	1.455.748.659	2.037.462.244	7.151.633.551
Trích quỹ trong kỳ	3.881.655.544	1.663.566.662	1.000.000.000	6.545.222.206
Điều chỉnh giảm	-	-	(815.089.079)	(815.089.079)
Chi quỹ trong kỳ	(3.253.962.578)	(837.775.020)	(1.222.633.620)	(5.314.371.218)
Số cuối kỳ	4.286.115.614	2.281.540.301	999.739.545	7.567.395.460

23. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	99.465.787.935	101.732.826.364
Ngân hàng TM CP Á Châu	53.163.260.002	48.768.390.295
Cộng	152.629.047.937	150.501.216.659

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	101.732.826.364	15.239.630.855	(17.506.669.284)	99.465.787.935
Ngân hàng TM CP Á Châu	48.768.390.295	5.650.694.747	(1.255.825.040)	53.163.260.002
Cộng	150.501.216.659	20.890.325.602	(18.762.494.324)	152.629.047.937

24. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	5.414.260.142	2.707.130.071	35.840.049.113	43.961.439.326
Điều chỉnh trong kỳ	-	-	-	-	8.123.845.132	8.123.845.132
Số dư tại ngày 30/06/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	106.796.342.738	14.387.252.506	120.105.338.439	557.373.363.683
Số dư tại ngày 01/01/2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	55.452.222.060	55.452.222.060
Trích quỹ trong kỳ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	(13.199.488.853)	(7.654.266.647)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Điều chỉnh trong kỳ	-	33.000.000	-	-	815.089.079	848.089.079
Số dư tại ngày 30/06/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	103.407.727.451	853.438.372.786

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
	Quý này		Quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<i>Tổng doanh thu</i>	<i>441.172.039.825</i>	<i>368.304.957.191</i>	<i>635.083.305.343</i>	<i>652.651.714.128</i>
Doanh thu đường RS	334.302.443.310	269.136.002.370	494.496.644.020	524.180.596.724
Doanh thu mật ri	27.103.635.466	17.539.773.830	54.719.508.268	38.021.437.001
Doanh thu bán bún, tro	8.385.908.076	7.087.597.902	11.189.372.584	9.442.042.675
Doanh thu điện thương phẩm	574.300	913.188.949	544.752.959	2.322.090.644
Doanh thu khác	71.379.478.673	73.628.394.140	74.133.027.512	78.685.547.084
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>	<i>-</i>	<i>(74.271.355)</i>	<i>-</i>	<i>(74.271.355)</i>
Doanh thu thuần	441.172.039.825	368.230.685.836	635.083.305.343	652.577.442.773

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
	Quý này		Quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn đường RS	247.889.727.298	220.892.370.152	380.195.762.766	441.507.050.314
Giá vốn mật ri	27.103.635.466	21.011.835.885	54.719.508.268	41.493.499.056
Giá vốn bán bún, tro	7.141.075.334	5.286.137.364	9.633.381.355	7.406.757.198
Giá vốn điện thương phẩm	574.300	913.188.949	518.838.209	2.322.090.644
Giá vốn khác	68.173.202.206	70.468.605.269	70.789.302.700	75.381.653.065
Cộng	350.308.214.604	318.572.137.619	515.856.793.298	568.111.050.277

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối	
	Quý này		Quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	697.618.724	562.291.488	2.587.903.456	698.810.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.316.994.197	-	7.316.994.197
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	1.975.608.634	-	2.857.648.211	2.895.490.049
Chênh lệch tỷ giá	2.333.447	587.649.827	8.971.343	-
Lãi cho vay, ký cược, chậm thanh toán	7.868.477.466	2.009.559.813	10.963.141.650	831.243.826
Cộng	10.544.038.271	10.476.495.325	16.417.664.660	11.742.538.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	18.214.086.440	6.815.521.238	24.574.511.290	13.920.076.677
Chênh lệch tỷ giá	440.238.341	28.884.555	480.785.346	-
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(3.280.000.000)	9.200.000.000	10.160.000.000	(1.200.087.130)
Cộng	15.374.324.781	16.044.405.793	35.215.296.636	12.719.989.547

5. Chi phí bán hàng

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	329.745.558	210.485.771	444.458.711	401.964.532
Chi phí vận chuyển	6.867.835.024	4.785.135.962	8.544.520.023	9.578.808.207
Chi phí bán hàng khác	32.840.500	1.210.182.750	201.481.663	1.231.466.250
Cộng	7.230.421.082	6.205.804.483	9.190.460.397	11.212.238.989

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	9.403.453.311	3.743.879.960	13.273.441.084	6.887.074.922
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	134.167.855	408.710.963	376.304.898	754.908.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	512.998.045	499.428.328	1.030.141.042	995.007.657
Thuế phí, lệ phí	59.643.038	43.851.860	72.369.838	50.041.100
Chi phí bằng tiền khác	3.887.435.031	2.566.120.836	5.877.239.059	4.360.854.023
Cộng	13.997.697.280	7.261.991.947	20.629.495.921	13.047.886.131

7. Thu nhập khác

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu thanh lý tài sản	-	37.239.167.045	2.500.000.000	37.239.167.045
Thu phạt vi phạm hợp đồng	954.343.980	2.966.398.762	982.809.392	1.775.000.000
Thu nhập khác	464.395.369	1.311.277.358	727.343.429	3.135.920.148
Cộng	1.418.739.349	41.516.843.165	4.210.152.821	43.215.087.193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá trị còn lại thanh lý tài sản	-	31.923.264.441	3.007.950.890	31.923.264.441
Chi phí khác	333.135.195	686.548.610	542.899.857	1.660.793.793
Cộng	333.135.195	32.609.813.051	3.550.850.747	33.584.058.234

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.321.058.987	32.210.827.524
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.321.058.987	32.210.827.524
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.375.000	30.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.690	1.060

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 146.000.000 VND, cùng kỳ năm trước là 269.100.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.524.668.140 VND, cùng kỳ năm trước là 1.489.644.687 VND

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 19,43% vốn điều lệ

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung		
Chi phí quản lý đất và cơ sở hạ tầng	66.000.000	-
Ứng trước tiền đầu tư (phân, thuốc, thiết bị)	2.676.672.679	-
Mua mía nguyên liệu	3.392.867.883	-
Tiền lãi cho vay	13.180.556	-
Công ty CP Mía đường Phan Rang		
Bán thanh lý TS, phế liệu	159.390.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	331.863.912	-
Đặt cọc tiền mua cổ phiếu	3.085.078.050	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa		
Bán bã mía	4.601.834.624	-
Thanh toán tiền lãi vay	571.111.000	-
Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai - SEC		
Bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
Thu tiền bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
Công ty CP Mía Đường 333		
Lãi phải thu	126.323.315	-
Nhận cổ tức năm 2012	4.422.719.651	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường thành phẩm, mật ri	387.056.892.901	109.673.643.250
Bán thanh lý tài sản	2.090.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.004.831.425	-
Thu tiền bán đường, mật ri	158.448.080.556	-
Tiền lãi cho vay ngắn hạn, lãi chậm thanh toán	8.030.963.039	777.397.332
Cho vay ngắn hạn	164.000.000.000	-
Thu tiền gốc cho vay	164.000.000.000	-
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Thanh toán tiền vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Nhận tiền ứng trước mua đường, mật ri	-	124.691.583.334
Lãi ứng trước tiền mua đường, mật ri	-	213.333.334

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	243.041.503.713	-
- Phải thu khách hàng (xem thuyết minh V.3)	239.282.853.270	-
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.5)	3.758.650.443	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (xem thuyết minh V.3)	4.833.546.355	-
Cộng các khoản phải thu	247.875.050.068	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	308.906.925	52.408.700
(xem thuyết minh V.18)		
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	-	571.111.000
(xem thuyết minh V.21)		
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	199.092.779	-
Cộng các khoản phải trả	507.999.704	623.519.700

3. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2014 so với Quý II năm 2013

	Quý II/2014	Quý II/2013	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.863.825.221	49.658.548.217	41.205.277.004	82,98
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.805.420.349	30.622.841.319	34.182.579.030	111,62
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.891.024.303	39.529.871.433	26.361.152.870	66,69

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý II/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước là 41.205.277.004 VND, tương đương tăng 82,98%; nguyên nhân chủ yếu do sản lượng bán ra tăng và giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế Quý II/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước là 26.361.152.870 VND, tương đương tăng 66,69% là do biến động tăng cùng chiều với lợi nhuận gộp bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2014


Nguyễn Thị Như Hiền
Người lập biểu


Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng


Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính


Trầm Kim Dung
Tổng Giám đốc

